

Số: 6123/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Thể chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP, ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH;

Căn cứ Quyết định số 4155/QĐ-ĐHSP, ngày 4 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Thể dục Thể thao, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục thể chất của Trường Đại học Sư phạm.

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo là tài liệu cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục thể chất giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan khác hiểu về chương trình đào tạo; là tài liệu phục vụ cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng khoa Thể dục Thể thao, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, Khoa TĐTT, KT&ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO**

*(kèm theo Quyết định số 6123/QĐ-ĐHSP ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)*

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất được xây dựng năm 2018, dự kiến gồm 130 tín chỉ, được tham khảo dựa trên quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất được xây dựng dựa trên sự tham khảo chương trình đào tạo của các ngành tương đương của một số trường đại học trong nước như: Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Giáo dục Thể chất của trường Đại học sư phạm Hà Nội; Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất của Đại học sư phạm Hà Nội 2; Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất của học viện Thể thao Thượng Hải - Trung Quốc; Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất của Đại học Hồ Bắc - Trung Quốc. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình gồm 19 giảng viên, trong đó có 04 tiến sỹ, 15 thạc sỹ, 05 giảng viên đang theo học NCS ở trong nước và nước ngoài. Toàn trường có 06 giảng đường với tổng diện tích 18656 m², nhà học đa dụng, sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi, hệ thống các sân: bóng chuyền, bóng rổ, tennis và các sân tập cho các môn thể thao khác nhau như: Bóng ném, Thể dục, Thể thao dân tộc, võ... Cùng với bề dày thành tích đã đạt được, trong tương lai, Khoa TDDT sẽ không ngừng lớn mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Khoa đã và đang cố gắng trở thành đơn vị nghiên cứu và đào tạo giáo viên TDDT hàng đầu ở vùng núi phía Bắc. Với nguồn lực và kinh nghiệm như hiện nay, Khoa còn tiếp tục đẩy mạnh phong trào TDDT quần chúng, giành nhiều thành tích cao trong các giải thể thao cho Trường Đại học Sư phạm, đồng thời góp phần vào sự nghiệp phát triển TDDT tỉnh Thái Nguyên.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	GIÁO DỤC THỂ CHẤT
Tên chương trình (tiếng Anh)	Physical education
Mã ngành đào tạo:	7140206
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng:	GIÁO DỤC THỂ CHẤT
Trình độ đào tạo:	Đại học

Số tín chỉ yêu cầu:	130
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin
Vị trí việc làm:	- Giáo viên dạy học môn GDTC ở các cơ sở Giáo dục & Đào tạo và tham gia huấn luyện thể thao cấp cơ sở. - Cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu khoa học TDTT. - Cán bộ quản lý chuyên môn ở các cơ sở giáo dục, các cơ quan và địa phương.
Học tập nâng cao trình độ:	Người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học các lớp huấn luyện viên chuyên nghiệp, học thạc sĩ, tiến sĩ ở trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Giáo dục Thể chất của trường Đại học sư phạm Hà Nội; Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất của Đại học sư phạm Hà Nội 2; Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất của học viện Thể thao Thượng Hải - Trung Quốc; Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Thể chất của Đại học Hồ Bắc - Trung Quốc.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	4/2019

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm TDTT (chuyên ngành GDTC) là đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học, cán bộ quản lý, chuyên viên phụ trách chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, cán bộ làm công tác phong trào tại các cơ quan văn hóa - TDTT của cả nước, đặc biệt là khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và các vùng lân cận. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị,

đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn công tác GDTC và giáo dục đặt ra; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng với yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

1. Có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt; có năng lực chuyên môn, có lòng say mê với các hoạt động thể thao và tình yêu nghề nghiệp.
2. Có kiến thức cơ bản, cơ sở và kiến thức cốt lõi, chuyên sâu của chuyên ngành GDTC.
3. Có kiến thức về Lý luận dạy học bộ môn, tâm lý học, Giáo dục học và vận dụng được trong dạy học, giáo dục học sinh.
4. Có tư duy phân tích, đánh giá, xây dựng được kế hoạch triển khai hoạt động GDTC, thể thao trường học và ở địa phương theo định hướng phát triển năng lực học sinh; có kỹ năng tư vấn, hỗ trợ người học.
5. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; Có năng lực giảng dạy, nghiên cứu trong các trường học các cấp, các trung tâm văn hóa – TT và các ngành nghề có liên quan đến GDTC; Có đủ kiến thức để tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước.
6. Có năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học trong lĩnh vực GDTC và Thể thao trường học
7. Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin và tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung**

- 1) C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
- 2) C2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của tâm lý học, giáo dục học và quản lý nhà trường vào việc tổ chức hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

*** Kiến thức chuyên môn**

- 1) C3: Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm để phân tích và đánh giá các nhiệm vụ cụ thể trong thực tiễn công tác GDTC và thể thao trường học.
- 2) C4: Vận dụng được các nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực GDTC và Thể thao trường học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong quá trình dạy học, giáo dục học sinh.

4.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

- 1) C5: Giao tiếp có hiệu quả với học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và các bên liên quan khác.
- 2) C6: Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.
- 3) C7: Đạt trình độ tin học IC3, ICDL, MOS hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn, giáo dục.
- 4) C8: Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.
- 5) C9: Thực hiện được các hoạt động tự trải nghiệm nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp và dẫn dắt người khác tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

*** Kỹ năng chuyên môn**

- 1) C10: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật và thực hiện đúng kỹ thuật cơ bản của một số môn thể thao cơ bản trong chương trình Olympic; xây dựng kế hoạch giảng dạy, huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài trong hoạt động GDTC và Thể thao trường học.
- 2) C11: Vận dụng được các phương pháp dạy học bộ môn và các phương pháp giáo dục học sinh theo định hướng phát triển năng lực; xử lý được các tình huống xảy ra trong công tác GDTC và Thể thao trường học.
- 3) C12: Vận dụng được các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong công tác GDTC và TT trường học.
- 4) C13: Phân tích được điều kiện thực tiễn của cơ quan và địa phương để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động GDTC và thể thao.
- 5) C14: Phối hợp với các lực lượng liên quan để lập kế hoạch tổ chức hoạt động; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở cấp cơ sở. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho công tác giáo dục nói chung và GDTC, TT trường học nói riêng.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 1) C15: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.
- 2) C16: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.
- 3) C17: Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức				Kĩ năng										NL tự chủ và trách nhiệm		
	C 1	C 2	C 3	C 4	C 5	C 6	C 7	C 8	C 9	C 10	C 11	C 12	C 13	C 14	C 15	C 16	C 17
MT1			x	x	x					x	x	x			x		x
MT2	x	x	x	x						x	x	x					
MT3		x			x				x		x	x			x		
MT4		x	x			x			x				x	x		x	x
MT5		x	x	x					x	x	x	x				x	x
MT6			x									x					
MT7							x	x									

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Chuẩn bị hồ sơ lên lớp đầy đủ gồm: Giáo án, giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương môn học...
- Chuẩn bị đầy đủ sân bãi, dụng cụ, trang thiết bị cần thiết cho mỗi buổi học.
- Xây dựng kế hoạch cho sinh viên đi thực tế chuyên môn tại các trường phổ thông để học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Diễn giảng, nêu vấn đề: Sử dụng trong các giờ giảng, đặc biệt là các giờ lí thuyết.
- Thuyết trình: Giảng viên xây dựng các chủ đề thuyết trình, giao chủ đề cho các nhóm xây dựng kịch bản thuyết trình. Phương pháp này sử dụng trong các giờ thảo luận.
- Phương pháp giảng giải, làm mẫu: Sử dụng ở các nội dung học tập thực hành với mục đích trang bị cho sinh viên những hình ảnh chuẩn, cách thức thực hiện đúng các kỹ thuật động tác của học phần.
 - Phương pháp tập luyện: Sử dụng ở các nội dung học tập thực hành. Đó là phương pháp vận động thân thể kết hợp với hoạt động tư duy lặp lại nhiều lần để hoàn thành các nhiệm vụ dạy học TĐTT cụ thể. Trong dạy học TĐTT, muốn nắm được động tác, rèn luyện thân thể, nâng cao thể lực, bồi dưỡng và điều hòa phẩm chất và tâm lý... đều phải thông qua làm động tác nhiều lần và hoạt động tư duy mới thực hiện được. Do đó, loại phương pháp này có ý nghĩa rất quan trọng trong thực hiện các nhiệm vụ dạy học TĐTT.
- Hình thức dạy học nhóm, lớp: Sử dụng ở các nội dung thực hành và làm bài tập nhóm nhằm mục đích củng cố kiến thức và rèn luyện cho SV các kĩ năng, kỹ xảo cũng như khả năng làm việc nhóm, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp. Các hình thức tổ chức dạy học này giúp sinh viên đạt tất cả các chuẩn đặt ra.

- Thực tế chuyên môn: Giảng viên xây dựng các câu hỏi, các vấn đề; Sinh viên trong quá trình thực tế chuyên môn phải viết bài thu hoạch về những điều mình thu nhận được trong quá trình đi thực tế và chia sẻ trên lớp.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Sinh hoạt tổ chuyên môn thường kì để cùng rà soát, rút kinh nghiệm về phương pháp dạy học.

- Tổ chức dự giờ đồng nghiệp, tổ chức rút kinh nghiệm sau dự giờ trên tinh thần xây dựng và thiện chí. Việc dự giờ có thể báo trước hoặc đột xuất.

- Tổ chức đánh giá giảng viên thông qua phiếu phản hồi từ sinh viên để giảng viên có căn cứ điều chỉnh bản thân.

- Sau mỗi năm học sẽ rà soát đề thi, đề cương môn học để có sự chỉnh sửa, điều chỉnh kịp thời.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

ĐÁNH GIÁ NHẬN THỨC (Theo thang Bloom)

Mức độ	Tiêu chí đánh giá
Biết	Biết là mức độ kết quả học tập về mặt nhận thức thấp nhất. Ở mức độ này sinh viên có khả năng nhắc lại hoặc nhận ra thông tin đã được học: định nghĩa, xác định, phân loại, mô tả, định vị, phác thảo, lấy ví dụ, phân biệt quan điểm từ thực tế, ghi nhớ, liệt kê, gọi tên, đối chiếu, nhận biết, nhận dạng..
Hiểu	Hiểu là khả năng hiểu thấu ý nghĩa những kiến thức đã học: Tóm tắt, So sánh, Phân biệt, Ước lượng...
Áp dụng	Áp dụng: là việc sử dụng những thông tin đã được học trước đó vào những tình huống mới và cụ thể: Liên hệ, vận dụng, đưa vào thực tế, minh họa
Phân tích	Phân tích: đề cập đến khả năng phân chia nội dung tài liệu thành những phần nhỏ để có thể hiểu được các mối quan hệ và các cấu trúc: Phân tích, Suy luận, Đối chiếu Kết quả học tập ở mức độ này cho thấy trình độ tư duy cao hơn mức Hiểu và Áp dụng bởi chúng đòi hỏi cần phải nắm vững cả nội dung và cấu trúc của tài liệu học tập.
Tổng hợp	Tổng hợp là khả năng sử dụng các ý tưởng cũ để tạo ra cái mới hoặc sắp xếp các phần hợp lại với nhau để tạo thành khối kiến thức chung mới: Báo cáo, tổng hợp, cải tiến, phát triển, thiết kế Kết quả học tập ở mức độ này nhấn mạnh đến những hoạt động sáng tạo, đặc biệt tập trung vào cách hình thành nội dung và cấu trúc mới.
Đánh giá	Đánh giá là khả năng nhận xét tính giá trị của tài liệu dựa trên mục tiêu đã hoạch định trước đó: Đánh giá, lựa chọn, nhận xét, kết luận Kết quả học tập ở mức độ này là cao nhất trong thang nhận thức bởi

	vì nó chứa đựng tất cả các mức độ nhận thức trước đó, kể cả các đánh giá giá trị dựa trên các tiêu chí đã được xác định rõ ràng.
--	--

ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG/NĂNG LỰC

Công cụ đánh giá: Động từ theo thang nhận thức của Simpson

Trình độ	Sự thực hiện để đánh giá	Định nghĩa
1. Bắt chước	Làm theo được	Quan sát và rập khuôn được
2. Làm được	Hoàn thành được công việc chung nhưng với sai sót nhỏ, chuẩn thấp	Biết cách làm và tự làm
3. Chính xác	Hoàn thành được công việc không có sai sót, đạt chuẩn quy định	Thực hiện một cách chính xác
4. Phối hợp	Hoàn thành được công việc đạt chuẩn	Thực hiện một cách chính xác công việc và có phần sáng tạo
5. Thuần thực	Hoàn thành công việc một cách thuần thực đạt vượt chuẩn	Thực hiện công việc chính xác với tốc độ cao, thuần thực.

Các động từ có thể sử dụng:

Bắt chước: Làm theo, lập lại, thực hành, tạo thành thói quen

Làm được: Thực hiện được, thể hiện được, làm được

Chính xác: Áp dụng chính xác, thực hiện chính xác, thể hiện đúng, làm đúng

Phối hợp: Tạo ra, thiết kế, sáng chế, kết hợp

Thuần thực: Áp dụng thành thạo, thiết kế sáng tạo, thể hiện thuần thực.

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức chung 24 tín chỉ	Bắt buộc	22 tín chỉ
		Tự chọn	2 tín chỉ
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 61 tín chỉ	Bắt buộc	55 tín chỉ
		Tự chọn	6 tín chỉ
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm 38 tín chỉ	Bắt buộc	22 tín chỉ
		Tự chọn	16 tín chỉ
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp 7 tín chỉ	Bắt buộc	7 tín chỉ
		Tự chọn	7 tín chỉ
Tổng số			130

- Khối kiến thức chung, gồm 7 học phần bắt buộc và 7 học phần tự chọn. Khối kiến thức chung được xác định theo quy định chung của Bộ Chính trị. Khối kiến thức này cung cấp những kiến thức về phương pháp luận, từ đó vận dụng các quan điểm cơ bản

của Chủ nghĩa Mác – Lenin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cũng như kiến thức pháp luật và giúp sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ.

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, gồm 17 học phần bắt buộc và 8 học phần tự chọn. Khối kiến thức cơ sở ngành giúp cung cấp những kiến thức hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành.
- Kiến thức ngành, gồm 12 học phần bắt buộc và 8 học phần tự chọn. Khối kiến thức chung cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn vững vàng.
- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 7 học phần bắt buộc và 8 học phần tự chọn. Khối kiến thức chung giúp cung cấp các kiến thức nghiệp vụ sư phạm và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.
- Khóa luận, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, gồm 05 học phần tự chọn. Các học phần thay thế khóa luận và khóa luận tốt nghiệp giúp cung cấp kiến thức cho sinh viên trước khi ra trường và nâng cao khả năng giảng dạy, thực hành trong lĩnh vực GDTC.

2. Danh sách các học phần

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
Kiến thức giáo dục đại cương			24
Các học phần bắt buộc			22
1.	MLP151N	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5
2.	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3.	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4.	EDL121N	Pháp luật đại cương	2
5.	ENG131N	Tiếng Anh 1	3
6.	ENG132N	Tiếng Anh 2	3
7.	ENG143N	Tiếng Anh 3	4
	Giáo dục Quốc phòng		3
8.	MIE131M	Giáo dục quốc phòng	3
Các học phần tự chọn (chọn 2 tín chỉ)			2
9.	GME121M	Quản lý hành chính nhà nước & Quản lý ngành	2

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
10.	GIF121N	Tin học đại cương	2
11.	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2
12.	EDE121N	Môi trường và phát triển	2
13.	VCF121N	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
14.	CDE121N	Văn hóa và phát triển	2
15.	LOG121N	Lôgic hình thức	2
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			61
Kiến thức cơ sở ngành			15
16.	STA221M	Thống kê xã hội học	2
17.	HSR221N	Giải phẫu người	2
18.	SPL241N	Sinh lý học TĐTT	4
19.	SMC241N	Vệ sinh và Y học TĐTT	4
20.	SRM231N	Phương pháp NCKH và đo lường TT	3
Kiến thức ngành			46
Các học phần bắt buộc			40
21.	ATI341N	Điền kinh 1 (chạy ngắn, chạy TB, chạy tiếp sức)	4
22.	ATI342N	Điền kinh 2 (nhảy xa, nhảy cao)	4
23.	GNT331N	Thể dục 1 (đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản)	3
24.	GNT332N	Thể dục 2 (Aerobic, Đồng diễn)	3

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
25.	SFB341N	Bóng đá	4
26.	SVB331N	Bóng chuyền	3
27.	BKB341N	Bóng rổ	4
28.	SBM341N	Cầu lông	4
29.	SWM321N	Bơi 1	2
30.	SWM332N	Bơi 2	3
31.	SSC341N	Đá cầu	4
32.	SGA321N	Trò chơi vận động	2
Các học phần tự chọn			6
33.	VVI321N	Vovinam	2
34.	TAK321N	Taekwondo	2
35.	KAR321N	Karatedo	2
36.	NTS321N	Thể thao dân tộc	2
37.	TEI321N	Quần vợt	2

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
38.	CHE321N	Cờ vua	2
39.	GNT322N	Âm nhạc vũ đạo	2
40.	TTE321N	Bóng bàn	2
Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			38
Các học phần bắt buộc			22
41.	EPS331M	Tâm lý học giáo dục	3
42.	PEP341M	Giáo dục học	4
43.	STM341N	Lý luận và phương pháp GDTC	4
44.	SSM431N	Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 1	3
45.	SSM432N	Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 2	3
46.	TRA421M	Thực tập Sư phạm 1	2
47.	TRA432M	Thực tập Sư phạm 2	3
Các học phần tự chọn(chọn trong 8 nhóm ngành)			16
Bóng chuyền			16
48.	SVB441N	Bóng chuyền chuyên sâu 1	4

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
49.	SVB442N	Bóng chuyền chuyên sâu 2	4
50.	SVB443N	Bóng chuyền chuyên sâu 3	4
51.	SVB444N	Bóng chuyền chuyên sâu 4	4
Bóng đá			16
52.	SFB441N	Bóng đá chuyên sâu 1	4
53.	SFB442N	Bóng đá chuyên sâu 2	4
54.	SFB443N	Bóng đá chuyên sâu 3	4
55.	SFB444N	Bóng đá chuyên sâu 4	4
Bóng rổ			16
56.	BKB441N	Bóng rổ chuyên sâu 1	4
57.	BKB442N	Bóng rổ chuyên sâu 2	4
58.	BKB443N	Bóng rổ chuyên sâu 3	4
59.	BKB444N	Bóng rổ chuyên sâu 4	4
Bơi			16
60.	SSM441N	Bơi chuyên sâu 1	4

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
61.	SSM442N	Bơi chuyên sâu 2	4
62.	SSM443N	Bơi chuyên sâu 3	4
63.	SSM444N	Bơi chuyên sâu 4	4
Cầu lông			16
64.	SBM441N	Cầu lông chuyên sâu 1	4
65.	SBM442N	Cầu lông chuyên sâu 2	4
66.	SBM443N	Cầu lông chuyên sâu 3	4
67.	SBM444N	Cầu lông chuyên sâu 4	4
Đá cầu			16
68.	SSC441N	Đá cầu chuyên sâu 1	4
69.	SSC442N	Đá cầu chuyên sâu 2	4
70.	SSC443N	Đá cầu chuyên sâu 3	4
71.	SSC444N	Đá cầu chuyên sâu 4	4
Điền kinh			16
72.	ATI441N	Điền kinh chuyên sâu 1	4

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
73.	ATI442N	Điền kinh chuyên sâu 2	4
74.	ATI443N	Điền kinh chuyên sâu 3	4
75.	ATI444N	Điền kinh chuyên sâu 4	4
Võ thuật			16
76.	KFU441N	Võ thuật chuyên sâu 1	4
77.	KFU442N	Võ thuật chuyên sâu 2	4
78.	KFU443N	Võ thuật chuyên sâu 3	4
79.	KFU444N	Võ thuật chuyên sâu 4	4
Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			7
Khoá luận tốt nghiệp			7
80.	GTP971N	Khoá luận tốt nghiệp	7
Các học phần thay thế KLTN (chọn 7 TC)			7
Tự chọn			4
81.	EDS941N	Học thuyết huấn luyện	4
82.	SPL941N	Tâm lý học TDTT	4
Tự chọn			3

Số TT	Mã số	Tên học phần	Số TC
83.	SMG931N	Quản lý TDTT	3
84.	SCC931N	Giáo dục học TDTT	3
85.	SHT931N	Lịch sử TDTT	3
Tổng cộng			130

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất					
Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Tiếng Anh 1*	ENG131N	3	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin*	MLP151N	5
Thống kê xã hội học*	STA221M	2	Tiếng Anh 2*	ENG132N	3
Điện kinh 1 (chạy ngắn, chạy TB, chạy tiếp sức) *	ATI341N	4	Giải phẫu người*	HSR221N	2
Thể dục 1 (đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản) *	GNT331N	3	Điện kinh 2 (nhảy xa, nhảy cao) *	ATI342N	4
Tâm lý học giáo dục*	EPS331M	3	Bóng chuyền*	SVB331N	3
Tin học đại cương	GIF121N	2	Vovinam	VVI321N	2
			Taekwondo	TAK321N	2
			Karatedo	KAR321N	2

Năm thứ hai					
Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín	Học phần	Mã học phần	Số tín

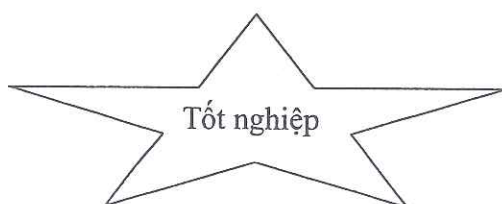
		chỉ			chỉ
Pháp luật đại cương*	EDL121N	2	Bóng rổ*	BKB341N	4
Tiếng Anh 3*	ENG143N	4	Cầu lông*	SBM341N	4
Bóng đá*	SFB341N	4	Bơi 2*	SSM332N	3
Bơi 1*	SSM321N	2	Giáo dục học*	PEP341M	4
Đá cầu*	SSC341N	4	Lý luận và phương pháp GDTC*	STM341N	4
Tiếng Việt thực hành	VIU121N	2	Phương pháp NCKH và đo lường TT*	SRM231N	3
Môi trường và phát triển	EDE121N	2	Quản lý hành chính nhà nước & Quản lý ngành	GME121M	2
			Cơ sở văn hoá Việt Nam	VCF121N	2
			Bóng chuyền chuyên sâu 1	SVB441N	4
			Bóng đá chuyên sâu 1	SFB441N	4
			Bóng rổ chuyên sâu 1	BKB441N	4
			Bơi chuyên sâu 1	SSM441N	4
			Cầu lông chuyên sâu 1	SBM441N	4
			Đá cầu chuyên sâu 1	SSC441N	4
			Điền kinh chuyên sâu 1	ATI441N	4
			Võ thuật chuyên sâu 1	KFU441N	4

Năm thứ ba					
Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Sinh lý học TDTT*	SPL241N	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh*	HCM121N	2
Thể dục 2 (Aerobic, Đồng diễn) *	GNT332N	3	Trò chơi vận động*	SGA321N	2
Văn hóa và phát triển	CDE121N	2	Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 1*	SSM431N	3
Thể thao dân tộc	NTS321N	2	Thực tập Sư phạm 1*	TRA421M	2
Lôgic hình thức	LOG121N	2	Bóng chuyền chuyên sâu 3	SVB443N	4
Bóng chuyền chuyên sâu 2	SVB442N	4	Bóng đá chuyên sâu 3	SFB443N	4
Bóng đá chuyên sâu 2	SFB442N	4	Bóng rổ chuyên sâu 3	BKB443N	4

Bóng rổ chuyên sâu 2	BKB442N	4	Boi chuyên sâu 3	SSM443N	4
Boi chuyên sâu 2	SSM442N	4	Cầu lông chuyên sâu 3	SBM443N	4
Cầu lông chuyên sâu 2	SBM442N	4	Đá cầu chuyên sâu 3	SSC443N	4
Đá cầu chuyên sâu 2	SSC442N	4	Điền kinh chuyên sâu 3	ATI443N	4
Điền kinh chuyên sâu 2	ATI442N	4	Võ thuật chuyên sâu 3	KFU443N	4
Võ thuật chuyên sâu 2	KFU442N	4	Vệ sinh và Y học TDTT *	SMC241N	4
Quần vợt	TEI321N	2			

Năm thứ tư					
Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*	VCP131N	3	Thực tập Sư phạm 2*	TRA432M	3
Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 2*	SSM432N	3	Khoá luận tốt nghiệp	GTP971N	7
Cờ vua	CHE321N	2	Học thuyết huấn luyện	EDS941N	4
Âm nhạc vũ đạo	GNT322N	2	Tâm lý học TDTT	SPL941N	4
Bóng chuyền chuyên sâu 4	SVB444N	4	Quản lý TDTT	SMG931N	3
Bóng đá chuyên sâu 4	SFB444N	4	Giáo dục học TDTT	SCC931N	3
Bóng rổ chuyên sâu 4	BKB444N	4	Lịch sử TDTT	SHT931N	3
Boi chuyên sâu 4	SSM444N	4			
Cầu lông chuyên sâu 4	SBM444N	4			
Đá cầu chuyên sâu 4	SSC444N	4			
Điền kinh chuyên sâu 4	ATI444N	4			
Võ thuật chuyên sâu 4	KFU444N	4			

Ghi chú:* là học phần bắt buộc



4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;
3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn		Kĩ năng chung					Kĩ năng chuyên môn					NL tự chủ và trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17
Chung	3	0	0	0	2	2	3	3	2	0	0	0	0	0	3	3	3
Chuyên nghiệp	0	0	3	3	1	1	0	0	2	3	3	3	3	3	1	3	3
Chuyên ngành	0	0	3	3	1	1	0	0	2	3	3	3	3	3	1	3	3
NVSP	0	3	3	3	1	1	0	0	2	3	3	3	3	3	1	3	3
TT KLTN	0	0	2	2	1	1	0	0	2	0	1	1	2	2	1	2	2

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;
3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn					NL tự chủ và trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17
1. Kiến thức giáo dục đại cương																	
Các môn học bắt buộc																	
Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	3	0	0	0	0	0	2	1	0	0	2	0	0	0	2	2	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	2	1	0	0	2	0	0	0	2	2	2
Đường lối cách mạng của Đảng	3	0	0	0	0	0	2	1	0	0	1	0	0	0	3	2	2

Cộng sản Việt Nam																	
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	1	2	0	0	1	0	0	0	3	1	1
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0	2	2
Tiếng Anh 3	0	0	0	0	0	0	3	0	2	3	0	0	0	0	0	3	3
Các môn tự chọn : chọn 1 môn																	
Quản lý HC nhà nước & QL ngành	0	3	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	3	2	2
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	1	0	0	0	0	1	1
Môi trường và phát triển	0	1	2	2	0	1	1	1	2	1	1	1	1	2	0	3	2
Tiếng Việt thực hành	2	2	3	3	1	1	1	1	1	1	3	3	3	2	2	3	3
Cơ sở văn hoá Việt Nam	1	1	3	3	1	2	3	2	2	2	3	2	3	1	3	2	2
Văn hóa và phát triển	1	1	3	3	2	2	2	1	1	1	3	2	3	1	3	3	3
Logic hình thức	1	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																	
Các môn học bắt buộc																	
Thống kê xã hội học	0	0	1	3	1	2	1	0	1	0	1	2	2	2	0	1	2
Giải phẫu người	0	0	3	2	1	2	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2
Sinh lý học TĐTT	0	0	3	1	1	2	0	0	0	1	1	0	0	1	0	1	2
Vệ sinh và Y học TĐTT	0	0	3	1	1	2	0	0	0	1	1	0	0	1	0	1	2
Phương pháp NCKH và đo lường TT	0	0	1	3	1	2	0	0	2	0	0	2	0	1	0	1	2
2.2. Kiến thức ngành																	
Các môn học bắt buộc																	

Điền kinh 1 (chạy ngắn, chạy TB, chạy tiếp sức)	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Điền kinh 2 (nhảy xa, nhảy cao)	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Thể dục 1 (đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản)	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Thể dục 2 (Thể dục nhịp điệu, Aerobic)	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Bóng đá	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Bóng chuyền	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Bóng rổ	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Cầu lông	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Bơi 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Bơi 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Đá cầu	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Trò chơi vận động	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Các môn tự chọn: chọn 3 môn																	
Vovinam	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	0	1	0	1	2
Taekwondo	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	0	1	0	1	2
Karatedo	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	0	1	0	1	2
Thể thao dân tộc	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	0	1	0	1	2
Quần vợt	0	0	3	1	1	2	0	0	2	2	1	1	0	1	0	1	2
Cờ vua	0	0	3	1	1	2	0	0	2	2	1	1	0	1	0	1	2
Âm nhạc vũ đạo	0	0	3	1	1	2	0	0	2	2	1	1	0	1	0	1	2
Bóng bàn	0	0	3	1	1	2	0	0	3	3	2	1	0	1	0	1	2
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm																	
Các môn học bắt buộc																	

Tâm lý học giáo dục	0	2	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	3	3	3
Giáo dục học	0	0	2	0	0		1	2	0	0	2	0	0	0	2	1	1
Lý luận và phương pháp GDTC	0	1	3	2	2	3	0	0	2	2	2	1	0	1	0	1	2
Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 1	0	1	3	2	2	2	0	0	2	2	2	1	0	1	0	1	2
Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường phổ thông 2	0	1	3	2	2	2	0	0	2	2	2	1	0	1	0	1	2
Thực tập sư phạm 1																	
Thực tập sư phạm 2																	
Các môn tự chọn: Chọn 1 môn																	
Bóng chuyền																	
Bóng chuyền chuyên sâu 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	2	1	1	0	1	2
Bóng chuyền chuyên sâu 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bóng chuyền chuyên sâu 3	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	3	0	3	2
Bóng chuyền chuyên sâu 4	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	3	0	3	2
Bóng đá																	
Bóng đá chuyên sâu 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bóng đá chuyên sâu 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bóng đá chuyên sâu 3	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bóng đá chuyên sâu 4	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2

Bóng rổ																	
Bóng rổ chuyên sâu 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bóng rổ chuyên sâu 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bóng rổ chuyên sâu 3	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bóng rổ chuyên sâu 4	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bơi																	
Bơi chuyên sâu 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bơi chuyên sâu 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bơi chuyên sâu 3	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Bơi chuyên sâu 4	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Cầu lông																	
Cầu lông chuyên sâu 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Cầu lông chuyên sâu 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Cầu lông chuyên sâu 3	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Cầu lông chuyên sâu 4	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Đá cầu																	
Đá cầu chuyên sâu 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Đá cầu chuyên sâu 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Đá cầu chuyên sâu 3	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Đá cầu chuyên sâu 4	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Điền kinh																	
Điền kinh chuyên sâu 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2

Điền kinh chuyên sâu 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Điền kinh chuyên sâu 3	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Điền kinh chuyên sâu 4	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Võ thuật																	
Võ thuật chuyên sâu 1	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Võ thuật chuyên sâu 2	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Võ thuật chuyên sâu 3	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
Võ thuật chuyên sâu 4	0	0	3	1	1	2	0	0	2	3	3	3	3	2	0	2	2
4. Khoá luận, các môn thay thế khoá luận																	
Khoá luận tốt nghiệp																	
Khoá luận tốt nghiệp																	
Các môn thay thế khóa luận (chọn đủ 7 TC)																	
Học thuyết huấn luyện	0	1	2	1	1	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	2
Tâm lý học TDTT	0	0	2	1	1	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1
Quản lý TDTT	0	0	2	1	1	2	0	0	2	0	0	0	0	1	0	0	2
Giáo dục học TDTT	1	3	2	1	1	2	0	0	2	0	3	2	1	2	2	1	2
Lịch sử TDTT	1	0	2	1	1	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	2

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1 MLP151N - Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (5 tín chỉ):

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin bao gồm: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin; Học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Lý

luyện của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

6.2 HCM121N, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ):

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, đối tượng nghiên cứu là hệ thống những quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh còn tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

Môn học này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và các môn học thuộc khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

6.3 VPC131N - đường lối cách mạng của đảng cộng sản việt nam

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cơ bản nghiên cứu đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Không kể chương mở đầu, môn học gồm 8 chương. Chương 1,2,3 nghiên cứu về đường lối cách mạng của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975); Chương 4,5,6,7,8 nghiên cứu về đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới như: Đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị... Môn học này có mối quan hệ trực tiếp với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc khoa học chính trị.

6.4 EDL121N – Giáo dục pháp luật

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề chung và cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung, của Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự...

6.5 ENG131N - Tiếng Anh 1

Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và

phiêu lưu để phát triển được kĩ năng ngôn ngữ ở cấp độ Bậc 2 “cấp cao”. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày thông qua hình thức giao tiếp như nghe và đọc hiểu thông tin trong các cuộc phỏng vấn trên báo đài, các cuộc hội thoại, đọc các bài báo theo chủ đề quen thuộc, bày tỏ ý kiến quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp hàng ngày; viết được các câu đúng ngữ pháp theo các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và phiêu lưu.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập trên phần mềm tự học MyELT, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.6 ENG132N - Tiếng Anh 2

Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có *to*, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 mức trung bình, gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ.

6.7. ENG143N - Tiếng Anh 3

Học phần tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Ngôn ngữ và học tập; du lịch và kì nghỉ; Lịch sử; Tự nhiên cùng với các chủ đề điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định, *will*, *might*. Ngoài ra, thông qua học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kĩ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kĩ năng viết thư thân mật, viết lý lịch cá nhân khoảng 100-120 từ.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1,2, học phần này tiếp tục phát triển kĩ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên để sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.8 GEN121N - Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục - đào tạo

Môn học Quản lý HCNN và quản lý ngành giáo dục-đào tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân quản lý giáo dục. Nghiên cứu môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (các

tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước, nội dung, quy trình, công cụ, hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức), quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo) và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo; từ đó, sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và nghĩa vụ của công dân đối với đất nước. Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn pháp luật đại cương, môn giáo dục học, môn tổ chức và quản lý trường học.

6.9 GIF121N Tin học đại cương

Nội dung tóm tắt của học phần

Chương 1: Các bộ phận và nhận biết các loại máy tính; xử lý sự cố căn bản; hệ điều hành, mạng máy tính; bảo mật thông tin.

Chương 2: Chức năng chung của hệ soạn thảo văn bản; thao tác với hệ soạn thảo Microsoft Word: định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo.

Chương 3: Cấu trúc dữ liệu bảng tính; thao tác cơ sở với Microsoft Excel: định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ, tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng.

Chương 4: Thao tác cơ bản với slide, chèn đối tượng vào slide, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

6.10 VIU121N – Tiếng việt thực hành

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu; cách tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng.

Học phần có cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kỹ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu.* Chương 2: *Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản.*

Nhờ các kỹ năng này, người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói. Đồng thời người học có thể vận dụng các tri thức kỹ năng có được từ môn học để làm các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, nâng cao hiệu quả giao tiếp hành chính, hiệu quả giảng dạy các bài tiếng Việt thực hành ở trường PT, bồi dưỡng năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực tin học.

6.11 EDE121N - Môi trường và phát triển

Nội dung môn học môi trường và phát triển gồm các nhóm kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, nhu cầu và hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và các chính sách bảo vệ môi trường - phát triển bền vững. Các nội dung được đề cập ở mức độ bao quát trên thế giới và đi sâu phân tích ở phạm vi Việt Nam. Ngoài ra môn học cung cấp kiến thức về mối quan hệ

giữa con người và môi trường; các hậu quả của bùng nổ dân số; ảnh hưởng của sự phát triển dân số đến môi trường; ảnh hưởng của xã hội hiện đại đến môi trường tự nhiên; hiện trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên; mối quan hệ dân số, phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên thiên nhiên.

6.12 VCF121N - Cơ sở văn hóa Việt Nam

Môn học trang bị cho SV những tri thức cơ bản, quan trọng, mang tính chất đặc thù của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm có 3 chương, ngoài những kiến thức đại cương nhằm cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về văn hóa và văn hóa học nói chung, nội dung chủ yếu đi sâu vào hầu hết các vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam như: định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam; một số thành tố văn hóa cơ bản; các vùng văn hóa Việt Nam; văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

6.13 CAD121N – Văn hóa và phát triển

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm các học phần tự chọn. Môn học trình bày những tri thức cơ bản của chuyên ngành liên quan tới văn hóa, phân tích mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, chỉ ra vai trò, ảnh hưởng, tác động của văn hóa tới sự phát triển kinh tế, xã hội và ngược lại. Môn học cũng liên hệ tới văn hóa Việt Nam, nhận diện và phân tích những đặc điểm cơ bản của văn hóa Việt Nam, vai trò của nó đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội Việt Nam trong bối cảnh đương đại và sự tác động của kinh tế tới sự phát triển văn hóa.

6.14 LOG121N – Logic hình thức

Học phần logic hình thức nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hình thức, quy luật của tư duy, giúp người học có thể tư duy độc lập, biết cách giải quyết các vấn đề liên quan đến tư duy. Logic hình thức có liên hệ mật thiết với các khoa học lý luận như triết học; với các khoa học tính toán như toán học; với các khoa học xã hội nhân văn như ngôn ngữ học, tâm lý học...

6.15 STA221N - Thống kê xã hội học:

Nội dung môn học bao gồm:

Phần xác suất nghiên cứu về biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên rời rạc; các đặc trưng của biến ngẫu nhiên; các loại phân phối cơ bản.

Phần thống kê nghiên cứu về lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số; kiểm định giả thiết thống kê; tương quan và hồi quy.

6.16 HSR221 – Giải phẫu người

Môn học giải phẫu người giới thiệu về các nguyên tắc hoạt động của cơ thể người và các chức phận có liên quan cho sinh viên chuyên ngành thể dục thể thao. Môn học này bao gồm phần tổng quan về tế bào và mô, chức phận và mối quan hệ giữa xương, cơ và khớp trong cơ thể. Phần tóm tắt về cấu tạo và chức phận của các hệ cơ quan khác trong cơ thể cũng được giảng dạy. Các kiến thức tổng hợp của cơ thể con

người sẽ đạt được với các buổi thực hành, bao gồm các nghiên cứu về một số hệ cơ quan trong cơ thể người. Đồng thời, môn học này còn là bộ phận kiến thức cần thiết cho việc tiếp thu kiến thức các môn học khác như sinh lý học thể dục thể thao, y học thể dục thể thao ... cũng như ứng dụng trong phân tích kỹ thuật bài tập thể chất.

6.17 SPL231N - Sinh lý học TDDT

Môn sinh lý học TDDT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của cơ thể từ mức tế bào, tổ chức, cơ quan, hệ thống cơ quan đến toàn bộ cơ thể là một bộ máy thống nhất. Những quan điểm về cơ chế sinh lý của việc hình thành kỹ năng vận động và phát triển các tố chất vận động. Tác dụng của tập luyện thể dục thể thao đối với tất cả các cơ quan của cơ thể và tăng cường được khả năng thích nghi của chúng với điều kiện sống khác nhau.

6.18 SMC241N - Vệ sinh và Y học TDDT

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, vệ sinh học đường và vệ sinh trong tập luyện TDDT. Tìm hiểu về đặc điểm hình thái chức năng, phát triển thể chất nhằm đánh giá về thể lực và sức khỏe con người. Từ những kiến thức đã học sinh viên biết phòng tránh, chấn thương, bệnh lý và bước đầu biết xử lý các trường hợp chấn thương và bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDDT.

6.19 SRM231N - Phương pháp nghiên cứu khoa học và Đo lường TT

Môn học Phương pháp NCKH và Đo lường TT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TDDT phù hợp với xu thế phát triển của khoa học hiện đại trên cơ sở tích lũy những kinh nghiệm thực tiễn của công tác thể dục thể thao nước ta. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho người học những kiến thức khái quát về đo lường TDDT; các tham số đặc trưng; cơ sở lý luận của test và hệ thống các test về tố chất thể lực; Phương pháp đánh giá trong đo lường TDDT. Thông qua môn học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các vấn đề về lý luận vào thực tiễn quá trình giảng dạy, huấn luyện và NCKH trong lĩnh vực TDDT.

6.20 ATI341N - Điền kinh 1 (chạy ngắn, chạy TB, chạy tiếp sức)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Điền kinh 1. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền, nhanh, mạnh và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.21 ATI342N - Điền kinh 2 (nhảy xa, nhảy cao)

Điền kinh 2 là môn học cơ bản trong chương trình đào tạo chuyên ngành GDTC. Thông qua môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên

cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Điền kinh 2. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất mạnh và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật môn học khác.

6.22 GNT331N - Thể dục 1 (đội hình đội ngũ, thể dục cơ bản)

Thể dục 1 (Đội hình, đội ngũ) là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Những vấn đề chung về đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản; Nguyên tắc biên soạn, giảng dạy bài tập đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản; Nội dung về đội hình đội ngũ và thể dục cơ bản (Kỹ thuật đội hình đội ngũ tại chỗ và di chuyển; Bài tập thể dục phát triển chung và thể dục với dụng cụ).

6.23 GNT332N - Thể dục 2 (Aerobic, Đồng diễn)

Thể dục 2 (Thể dục Aerobic, thể dục đồng diễn) là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Khái quát chung về thể dục Aerobic và đồng diễn thể dục. Các kỹ thuật cơ bản của thể dục Aerobic và thể dục đồng diễn, phương pháp giảng dạy và biên soạn bài thể dục Aerobic và thể dục đồng diễn. Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn thể dục Aerobic và phương pháp tổ chức huấn luyện thể dục đồng diễn.

6.24 SFB341N - Bóng đá

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về bóng đá như: Kiến thức chung về môn học; Kỹ năng thực hành và bước đầu hình năng lực giảng dạy một số kỹ thuật cơ bản; Kiến thức và một số kỹ năng ban đầu về công tác tổ chức thi đấu - trọng tài bóng đá; Kiến thức và kỹ năng ban đầu về tuyển chọn và huấn luyện đội tuyển bóng đá cấp cơ sở.

6.25 SVB331N - Bóng chuyền

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn bóng chuyền; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

6.26 BKB341N - Bóng rổ

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về bóng rổ như: Kiến thức chung về môn học; Kỹ năng thực hành và bước đầu hình năng lực giảng dạy một số kỹ thuật cơ bản; Kiến thức và một số kỹ năng ban đầu về công tác tổ chức thi đấu - trọng tài bóng rổ; Kiến thức và kỹ năng ban đầu về tuyển chọn và huấn luyện đội tuyển bóng rổ cấp cơ sở.

6.27 SBM341N - Cầu lông

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về Cầu lông như: Kiến thức chung về môn học; Kỹ năng thực hành và bước đầu hình năng lực giảng dạy một số kỹ thuật cơ bản; Kiến thức và một số kỹ năng ban đầu về công tác tổ chức thi đấu - trọng tài môn Cầu lông; Kiến thức và kỹ năng ban đầu về tuyển chọn và huấn luyện đội tuyển Cầu lông cấp cơ sở.

6.28 SWM321N - Bơi 1

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môn bơi như: sơ lược lịch sử, đặc điểm, ý nghĩa. Trang bị kiến thức và kỹ thuật bơi ếch; Sơ lược về kiến thức và kỹ năng về an toàn trong môi trường nước; Sơ lược về phương pháp tổ chức thi đấu.

6.29 SWM332N - Bơi 2

Môn học trang bị kiến thức và kỹ thuật bơi trườn sấp; củng cố về kiến thức và kỹ năng về an toàn trong môi trường nước; Sơ lược về phương pháp giảng dạy, huấn luyện cấp cơ sở.

6.30 SSC341N - Đá cầu

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn đá cầu; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

6.31 SGA321N - Trò chơi vận động

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những hệ thống kiến thức cơ bản về hoạt động vui chơi, sử dụng các phương pháp phát triển các tổ chức thể lực một cách khoa học, áp dụng và hướng dẫn cho người tập để phát triển kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết trong cuộc sống, môn học trò chơi góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong cho sinh viên và tạo điều kiện cho học tập các môn thể thao khác.

6.32 VVI321N - Vovinam

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Vovinam; Phát triển thể lực chung và chuyên môn; Vận dụng kỹ năng võ thuật trong đời sống.

6.33 TAK321N - Taekwondo

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên

môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Taekwondo. Phát triển thể lực chung và chuyên môn; Vận dụng kỹ năng võ thuật trong đời sống.

6.34 KAR321N – Karatedo

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Karatedo. Phát triển thể lực chung và chuyên môn; Vận dụng kỹ năng võ thuật trong đời sống.

6.35 NTS321N - Thể thao dân tộc

Môn Thể thao dân tộc trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của các môn Thể thao dân tộc.

6.36 TEI321N - Quần vợt

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn quần vợt ; Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

6.37 CHE321N - Cờ vua

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn cờ vua. Phát triển khả năng tư duy, sáng tạo.

6.38 GNT322N - Âm nhạc vũ đạo

Trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu,

trọng tài của môn Âm nhạc vũ đạo. Phát triển tố chất khéo léo và nền tảng thể lực chung, chuyên môn.

6.39 TTE321N - Bóng bàn

Môn học trang bị cho người học những kiến thức chung về sơ lược lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn học đối với người học cũng như với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về Kỹ - chiến thuật, thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện; luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng bàn. Thông qua môn học giúp người học phát triển tố chất sức bền, nhanh, mạnh và là nền tảng thể lực để tạo điều kiện tiếp thu nhanh các kỹ thuật của môn học khác.

6.40 EPS 331M - Tâm lý học giáo dục

Môn học nhằm trang bị cho người học những khái niệm, quy luật và phương pháp chung nhất của tâm lý học giáo dục; những vấn đề lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em; cơ chế, qui luật và giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em; những cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục; mối quan hệ giữa dạy học và nhận thức, dạy học và giáo dục; các lý thuyết tâm lý học ứng dụng vào hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học một số vấn đề lý thuyết về những nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong nhà trường, từ đó vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn vướng mắc về tâm lý. Đồng thời, môn học cũng là cơ sở để nghiên cứu các môn học khác trong chương trình đào tạo như: Giáo dục học và các chuyên ngành tâm lý học ứng dụng khác.

6.41 PEP341M – Giáo dục học

Môn học đề cập đến những nội dung sau:

- Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Kiến thức về mục đích và nhiệm vụ giáo dục.
- Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, lôgic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.
- Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, lôgic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- Những yêu cầu về nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm vai trò và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

6.42 STM341N - Lí luận và phương pháp GDTC

Học phần Lý luận và phương pháp GDTC trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về TĐTT; bản chất, chức năng cơ bản của TĐTT; Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TĐTT; Các phương tiện GDTC; Các phương pháp GDTC; Các nguyên tắc về phương pháp GDTC; Các hình thức tổ chức giờ thể dục; Những đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và phương pháp giáo dục các tố chất thể lực; Vận dụng kiến thức đã học trong thực tiễn tập luyện, giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học

6.43 SSM431N - Phương pháp giảng dạy môn GDTC trong trường phổ thông 1

Phương pháp dạy học thể dục trong trường phổ thông 1 là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Hướng dẫn phương pháp tổ chức dạy học, xác định mục tiêu của bài học, xây dựng kế hoạch giảng dạy và kế hoạch dạy học, hướng dẫn các bước lên lớp giờ học giáo dục thể chất, phương pháp kiểm tra đánh giá môn học, qua đó giúp sinh viên biết cách soạn kế hoạch dạy học (giáo án) và lên lớp thực hành một giờ học giáo dục thể chất tự chọn cho học sinh phổ thông.

6.44 SSM432N - Phương pháp giảng dạy môn GDTC trong trường phổ thông 2

Phương pháp dạy học thể dục trong trường phổ thông 2 là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm Giáo dục thể chất. Môn học này bao gồm các nội dung quan trọng sau: Đặc điểm cơ bản của phương pháp dạy học động tác; Phương pháp đánh giá và cho điểm môn giáo dục thể chất; Tập giảng hoàn thiện một giờ học tự chọn. Môn học này còn cung cấp cho người học về phương pháp đánh giá theo sự phát triển năng lực của học sinh ở trường phổ thông.

6.45 SVB441N - Bóng chuyên chuyên sâu 1

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng như: Ứng dụng kỹ thuật cơ bản trong thực tiễn; Kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng chuyên; Nâng cao nhận thức về luật thi đấu; Biết vận dụng luật thi đấu để giải thích các tình huống xảy ra trong trận đấu bóng chuyên; Bước đầu làm quen với công tác tổ chức thi đấu - trọng tài bóng chuyên.

6.46 SVB442N - Bóng chuyền chuyên sâu 2

Củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật nâng cao trong bóng chuyền; Trang bị kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng chuyền; Trang bị phương pháp và năng lực tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài bóng chuyền; Bước đầu làm quen với phương pháp tổ chức dạy học kỹ thuật cơ bản.

6.47 SVB443N - Bóng chuyền chuyên sâu 3

Nâng cao năng lực vận dụng các kỹ thuật cá nhân trong thực hiện các bài tập tấn công và phòng thủ nhóm, toàn đội; Nâng cao nhận thức và năng lực trọng tài; Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật cơ bản; Bước đầu làm quen với phương pháp tuyển chọn và huấn luyện đội tuyển bóng chuyền cấp cơ sở.

6.48 SVB444N - Bóng chuyền chuyên sâu 4

Tiếp tục củng cố và nâng cao các kỹ năng đã học như: Kỹ chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, tổ chức dạy học kỹ thuật...; Trang bị năng lực phát triển phong trào bóng chuyền trong các trường học; Năng lực tổ chức, tuyển chọn, huấn luyện đội tuyển bóng chuyền cấp cơ sở.

6.49 SFB441N - Bóng đá chuyên sâu 1

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng như: Ứng dụng kỹ thuật cơ bản trong thực tiễn; Kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng đá; Nâng cao nhận thức về luật thi đấu; Biết vận dụng luật thi đấu để giải thích các tình huống xảy ra trong trận đấu bóng đá; Bước đầu làm quen với công tác tổ chức thi đấu - trọng tài bóng đá.

6.50 SFB442N - Bóng đá chuyên sâu 2

Củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong bóng đá như volley, demi volley; Trang bị kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng đá; Trang bị phương pháp và năng lực tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài bóng đá; Bước đầu làm quen với phương pháp tổ chức dạy học kỹ thuật cơ bản.

6.51 SFB443N - Bóng đá chuyên sâu 3

Nâng cao năng lực vận dụng các kỹ thuật cá nhân trong thực hiện các bài tập tấn công và phòng thủ nhóm, toàn đội; Nâng cao nhận thức và năng lực trọng tài; Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật cơ bản; Bước đầu làm quen với phương pháp tuyển chọn và huấn luyện đội tuyển bóng đá cấp cơ sở.

6.52 SFB444N - Bóng đá chuyên sâu 4

Tiếp tục củng cố và nâng cao các kỹ năng đã học như: Kỹ chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, tổ chức dạy học kỹ thuật...; Trang bị năng lực phát

triển phong trào bóng đá trong các trường học; Năng lực tổ chức, tuyển chọn, huấn luyện đội tuyển bóng đá cấp cơ sở.

6.53 BKB441N - Bóng rổ chuyên sâu 1

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng như: Ứng dụng kỹ thuật cơ bản trong thực tiễn; Kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng rổ; Nâng cao nhận thức về luật thi đấu; Biết vận dụng luật thi đấu để giải thích các tình huống xảy ra trong trận đấu bóng rổ; Bước đầu làm quen với công tác tổ chức thi đấu - trọng tài bóng rổ.

6.54 BKB442N - Bóng rổ chuyên sâu 2

Củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị những kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong bóng rổ như dẫn bóng quay 180 độ, 360 độ, nhảy ném rổ 3 điểm, dẫn bóng thực hiện hai bước ném rổ móc xuôi, ngược; Trang bị kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bóng rổ; Trang bị phương pháp và năng lực tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài bóng rổ.

6.55 BKB443N - Bóng rổ chuyên sâu 3

Nâng cao năng lực vận dụng các kỹ thuật cá nhân trong thực hiện các bài tập tấn công và phòng thủ nhóm, toàn đội; Nâng cao nhận thức và năng lực trọng tài; Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật cơ bản; Bước đầu làm quen với phương pháp tuyển chọn và huấn luyện đội tuyển bóng rổ cấp cơ sở.

6.56 BKB444N - Bóng rổ chuyên sâu 4

Tiếp tục củng cố và nâng cao các kỹ năng đã học như: Kỹ chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, tổ chức dạy học kỹ thuật...; Trang bị năng lực phát triển phong trào bóng rổ trong các trường học; Năng lực tổ chức, tuyển chọn, huấn luyện đội tuyển bóng rổ cấp cơ sở.

6.57 SSM441N - Bơi chuyên sâu 1

Môn học củng cố và nâng cao kỹ thuật bơi ếch và trườn sấp; Trang bị kiến thức, kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu bơi ếch và trườn sấp; Trang bị phương pháp trọng tài môn bơi lội; Bước đầu làm quen với phương pháp tổ chức dạy học kỹ thuật cơ bản.

6.58 SSM442N - Bơi chuyên sâu 2

Củng cố, nâng cao kỹ thuật bơi ếch và trườn sấp; Trang bị kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật bơi trườn ngửa; Trang bị phương pháp tổ chức thi đấu và giảng dạy.

6.59 SSM443N -Bơi chuyên sâu 3

Củng cố và nâng cao các kỹ thuật bơi đã học; Trang bị kiến thức và kỹ năng kỹ thuật bơi bướm; Tuyển chọn và huấn luyện vận động viên cấp cơ sở; Củng cố năng lực tổ chức thi đấu, trọng tài, giảng dạy.

6.60 SSM444N - Bơi chuyên sâu 4

Hoàn thiện và nâng cao các kỹ thuật đã học; Củng cố và nâng cao năng lực tổ chức thi đấu, trọng tài, giảng dạy, huấn luyện; Trang bị kiến thức, kỹ năng về an toàn trong môi trường nước.

6.61 SBM441N - Cầu lông chuyên sâu 1

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng như: Ứng dụng kỹ thuật cơ bản trong thực tiễn; Kiến thức và kỹ năng về chiến thuật trong thi đấu cầu lông; Nâng cao nhận thức về luật thi đấu; Biết vận dụng luật thi đấu để giải thích các tình huống xảy ra trong trận đấu cầu lông; Bước đầu làm quen với công tác tổ chức thi đấu - trọng tài cầu lông.

6.62 SBM442N - Cầu lông chuyên sâu 2

Củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong môn cầu lông ; Phương pháp huấn luyện trong môn cầu lông ; tiếp tục nâng cao kỹ năng về phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài cầu lông .

6.63 SBM443N - Cầu lông chuyên sâu 3

Nâng cao năng lực vận dụng các kỹ thuật cá nhân trong thực hiện các bài tập tấn công và phòng thủ; Nâng cao nhận thức và năng lực trọng tài; Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật cơ bản; Bước đầu làm quen với phương pháp tuyển chọn và huấn luyện vận động viên, đội tuyển cầu lông cấp cơ sở.

6.64 SBM444N - Cầu lông chuyên sâu 4

Tiếp tục củng cố và nâng cao các kỹ năng đã học như: Kỹ chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, tổ chức dạy học kỹ thuật...; Trang bị năng lực tổ chức, tuyển chọn, huấn luyện vận động viên, đội tuyển cầu lông cấp cơ sở, phát triển các tổ chức thể lực cho người học.

6.65 SSC441N - Đá cầu chuyên sâu 1

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng như: Ứng dụng kỹ thuật cơ bản trong thực tiễn; Nâng cao nhận thức về luật thi đấu; Biết vận dụng luật thi đấu để giải thích các tình huống xảy ra trong trận đấu đá cầu; tiếp tục củng cố công tác tổ chức thi đấu - trọng tài đá cầu.

6.66 SSC442N - Đá cầu chuyên sâu 2

Củng cố và nâng cao những kỹ thuật đã học; Trang bị kỹ năng thực hành các kỹ thuật khó trong môn đá cầu; Phương pháp huấn luyện trong môn đá cầu; tiếp tục nâng cao kỹ năng về phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Đá cầu.

6.67 SSC443N - Đá cầu chuyên sâu 3

Nâng cao năng lực vận dụng các kỹ thuật cá nhân trong thực hiện các bài tập tấn công và phòng thủ; Nâng cao nhận thức và năng lực trọng tài; Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật cơ bản; phát triển các tố chất thể lực cho người học. Bước đầu làm quen với phương pháp tuyển chọn và huấn luyện vận động viên, đội tuyển Đá cầu cấp cơ sở.

6.68 SSC444N - Đá cầu chuyên sâu 4

Tiếp tục củng cố và nâng cao các kỹ năng đã học như: Kỹ chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, tổ chức dạy học kỹ thuật...; Trang bị năng lực tổ chức, tuyển chọn, huấn luyện vận động viên, đội tuyển đá cầu cấp cơ sở, phát triển các tố chất thể lực cho người học.

6.69 ATI441N -Điền kinh chuyên sâu 1

Môn học Điền kinh chuyên sâu 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật Nhảy ba bước. Đồng thời bồi dưỡng cho người học về phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện, luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Nhảy ba bước. Là tiền đề và nền tảng thể lực để học tập các môn thể thao khác.

6.70 ATI442N - Điền kinh chuyên sâu 2

Môn học Điền kinh chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật nhảy cao kiểu “ Lưng qua xà”. Đồng thời bồi dưỡng cho người học về phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện, luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao kiểu “ Lưng qua xà”. Là tiền đề và nền tảng thể lực để học tập các môn thể thao khác.

6.71 ATI443N - Điền kinh chuyên sâu 3

Môn học giúp cho người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng đã học trong môn Điền kinh 1 và 2. Bên cạnh đó, nâng cao nhận thức về luật thi đấu; Biết vận dụng luật thi đấu để giải thích các tình huống xảy ra trong thi đấu điền kinh; Bước đầu xây dựng công tác tổ chức thi đấu - trọng tài môn Điền kinh cấp cơ sở.

6.72 ATI444N -Điền kinh chuyên sâu 4

Môn học giúp củng cố và nâng cao các kỹ năng đã học như: Kỹ - chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Nâng cao khả năng vận dụng các kỹ năng đã học vào thực tiễn hoạt động; Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học kỹ thuật cơ bản; Bước đầu làm quen với phương pháp tuyển chọn và huấn luyện đội tuyển Điền kinh cấp cơ sở.

6.73 KFU441N -Võ thuật chuyên sâu 1

Thông qua môn học củng cố lại những kỹ thuật cơ bản; phát triển kỹ, chiến thuật nâng cao; hiểu sâu về luật thi đấu, từ đó giúp người học phát triển các tố chất vận động và đủ điều kiện về chuyên môn để tham dự những giải thi đấu võ thuật các cấp; Bước đầu làm quen với công tác trọng tài, tổ chức thi đấu võ thuật.

6.74 KFU441N -Võ thuật chuyên sâu 2

Học phần võ thuật chuyên sâu 2 giúp người học hoàn thiện kỹ, chiến thuật thi đấu; trang bị kiến thức về biên tập nội dung biểu diễn; hoàn thiện kỹ năng trọng tài và biết cách tổ chức, điều hành các trận thi đấu. Bước đầu làm quen với phương pháp tổ chức dạy học, huấn luyện võ thuật.

6.75 KFU443N -Võ thuật chuyên sâu 3

Võ thuật chuyên sâu 3 tiếp tục củng cố và nâng cao các kỹ năng đã học như: Kỹ chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và biểu diễn...; hiểu sâu về phương pháp tổ chức dạy học, huấn luyện trong võ thuật. Bước đầu tiếp cận với những kiến thức về phát triển phong trào võ thuật học đường và công tác tổ chức, tuyển chọn, huấn luyện đội tuyển cấp cơ sở.

6.76 KFU444N -Võ thuật chuyên sâu 4

Học phần trang bị những kiến thức về công tác phát triển phong trào võ thuật trong học đường và địa phương; kỹ năng tổ chức hoạt ngoại khóa tại các câu lạc bộ; giúp người học hiểu sâu về phương pháp tuyển chọn và huấn luyện đội tuyển võ thuật cấp cơ sở; biết tổ chức và điều hành một giải đấu võ thuật.

6.77 EDS941N - Học thuyết huấn luyện

Học phần Học thuyết huấn luyện trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác huấn luyện trong lĩnh vực thể dục thể thao như: các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện, cách xây dựng, tổ chức và đánh giá quá trình huấn luyện thể thao. Giúp sinh viên nâng cao hiểu biết và vận dụng vào công tác tuyển chọn, huấn luyện các môn thể thao ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp.

6.78 SPL941N - Tâm lý học TDTT

Tâm lý học TDTT là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học tâm lý, trong đó các bài tập thể chất là đối tượng nghiên cứu của Tâm lý học TDTT; bao gồm hai nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản là: Đặc điểm tâm lý của con người khi tham gia những hoạt động TDTT và đặc điểm tâm lý của các hoạt động TDTT. Những kiến thức của môn học chính là cơ sở khoa học cho huấn luyện viên, giáo viên thể dục áp dụng trong việc điều chỉnh tâm lý của học sinh và vận động viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục thể chất (huấn luyện thể thao).

6.79 SMG931N - Quản lý TDTT

Học phần Quản lý Thể dục Thể thao trang bị kiến thức cơ bản về cơ sở, bản chất, nguyên tắc, phương pháp, mục tiêu và chức năng quản lý trong lĩnh vực Thể dục Thể thao, cũng như hệ thống tổ chức quản lý và hoạt động quản lý của Thể dục Thể thao. Giúp sinh viên nâng cao hiểu biết và vận dụng vào hoạt động tổ chức quản lý các hoạt động Thể dục Thể thao ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp.

6.80 SCC931N - Giáo dục học TDTT

Môn Giáo dục học TDTT cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản nhất về lý luận giáo dục trong thể thao, phân tích bản chất của giáo dục, các qui luật, xu thế, triển vọng của nó. Trên cơ sở đó, nghiên cứu mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục con người trong hoạt động thể thao. Giúp sinh viên có được những hiểu biết quan trọng cần thiết về việc tổ chức, quản lý, giáo dục con người trong xã hội nói chung, trong thể thao nói riêng, đặc biệt chuẩn bị tốt cho tiềm lực lao động sư phạm và huấn luyện thể thao.

6.81 SHT931N - Lịch sử TDTT

Môn học cung cấp cho sinh viên sư phạm những kiến thức về bản chất của thể dục thể thao, về phương pháp tổ chức và các quá trình giáo dục thể chất, hình thành kỹ năng vận dụng phương pháp vào thực tiễn công tác. Môn học đề cập đến những vấn đề sau:

Lịch sử phát triển TDTT qua các thời kỳ, giai đoạn phát triển thăng trầm của TDTT trên thế giới và ở Việt Nam.

Các phong trào Olympic trên thế giới và ở Việt Nam.

Lịch sử phát triển của các đại hội thể thao châu Á, Đông nam Á và ở Việt Nam.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Ngọc Cương

